TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY THAN HẠ LONG - TKV

BẢNG TẠM TÍNH TỔNG THU NHẬP NĂM 2019

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2109 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
1	HL-00196	Bùi Văn Thái	KT2-HR	211.759.073	19.250.825	231.009.898	14.000.000	73.100.000	**26.509.158**
2	HL-00257	Đặng Cao Cường	KT2-HR	178.228.070	16.202.552	194.430.622	14.000.000	19.800.000	**19.019.218**
3	HL-00266	Nguyễn Thị Thanh Nga	KT2-HR	99.684.445	9.062.222	108.746.667	13.000.000	14.500.000	**11.353.889**
4	HL-00269	Nguyễn Đình Chới	KT2-HR	151.676.262	13.788.751	165.465.013	13.500.000	3.200.000	**15.180.418**
5	HL-00277	Lê Hữu Lý	KT2-HR	167.667.534	15.242.503	182.910.037	14.000.000	5.950.000	**16.905.003**
6	HL-00289	Nguyễn Văn Hiển	KT2-HR	158.045.930	14.367.812	172.413.742	14.000.000	5.656.179	**16.005.827**
7	HL-00295	Nguyễn Thái Hiếu	KT2-HR	200.083.074	18.189.370	218.272.444	14.000.000	5.000.000	**19.772.704**
8	HL-00301	Hoàng Văn Thắng	KT2-HR	131.179.049	11.925.368	143.104.417	14.000.000	2.700.000	**13.317.035**
9	HL-00335	Lê Văn Tới	KT2-HR	198.590.272	18.053.661	216.643.933	14.000.000	16.450.000	**20.591.161**
10	HL-00356	Ngô Duy Ngọc	KT2-HR	145.036.123	13.185.102	158.221.225	13.500.000	4.000.000	**14.643.435**
11	HL-00362	Lê Viết Thành	KT2-HR	189.246.411	17.204.219	206.450.630	14.000.000	4.100.000	**18.712.553**
12	HL-00364	Lê Văn Bắc	KT2-HR	119.960.197	10.905.472	130.865.669	14.000.000	2.900.000	**12.313.806**
13	HL-00380	Lương Văn Tập	KT2-HR	166.013.504	15.092.137	181.105.641	14.000.000	5.918.828	**16.752.039**
14	HL-00401	Lê Văn Trọng	KT2-HR	104.816.663	9.528.788	114.345.451	13.500.000	8.900.000	**11.395.454**
15	HL-00443	Bùi Văn Đỉnh	KT2-HR	192.461.563	17.496.506	209.958.069	14.000.000	6.800.000	**19.229.839**
16	HL-00465	Nguyễn Quang Huynh	KT2-HR	191.454.539	17.404.958	208.859.497	14.000.000	13.700.000	**19.713.291**
17	HL-00472	Hồ Văn Giang	KT2-HR	138.985.725	12.635.066	151.620.791	14.000.000	12.400.000	**14.835.066**
18	HL-00496	Hoàng Văn Đại	KT2-HR	198.557.862	18.050.715	216.608.577	14.000.000	12.000.000	**20.217.381**
19	HL-00510	Nguyễn Văn Điều	KT2-HR	213.831.576	19.439.234	233.270.810	14.000.000	9.292.946	**21.380.313**
20	HL-00520	Ngô Văn Hội	KT2-HR	95.358.606	8.668.964	104.027.570	14.000.000	3.300.000	**10.110.631**
21	HL-00535	Bùi Đức Thông	KT2-HR	139.761.744	12.705.613	152.467.357	14.000.000	5.900.000	**14.363.946**
22	HL-00540	Nguyễn Hữu Hoan	KT2-HR	173.477.428	15.770.675	189.248.103	14.000.000	9.900.000	**17.762.342**
23	HL-00554	Nguyễn Đình Hiếu	KT2-HR	84.867.169	7.715.197	92.582.366	14.000.000	5.900.000	**9.373.531**
24	HL-00568	Lê Quốc Sỹ	KT2-HR	184.083.062	16.734.824	200.817.886	14.000.000	24.916.033	**19.977.827**
25	HL-00569	Bùi Đức Trịnh	KT2-HR	190.409.045	17.309.913	207.718.958	14.000.000	5.111.177	**18.902.511**
26	HL-00594	Cao Ngọc Kim	KT2-HR	185.169.395	16.833.581	202.002.976	13.500.000	5.100.000	**18.383.581**
27	HL-00613	Hoàng Quốc Nhàn	KT2-HR	160.681.161	14.607.378	175.288.539	13.500.000	9.700.000	**16.540.712**
28	HL-00669	Quách Văn Quỳnh	KT2-HR	132.408.637	12.037.149	144.445.786	13.500.000	11.490.151	**14.119.661**
29	HL-00680	Tạ Đình Long	KT2-HR	189.700.772	17.245.525	206.946.297	14.000.000	6.700.000	**18.970.525**
30	HL-00724	Hoàng Văn Hiếu	KT2-HR	156.628.928	14.238.993	170.867.921	13.500.000	9.546.771	**16.159.558**
31	HL-00742	Phạm Trọng Duyệt	KT2-HR	196.515.446	17.865.041	214.380.487	14.000.000	17.500.000	**20.490.041**
32	HL-00773	Lê Thị Hoa	KT2-HR	83.950.751	7.631.886	91.582.637	13.000.000	12.109.000	**9.724.303**
33	HL-00801	Ngô Doãn Hợi	KT2-HR	140.674.257	12.788.569	153.462.826	14.000.000	13.500.000	**15.080.235**
34	HL-00909	Lê Thanh Hóa	KT2-HR	193.230.920	17.566.447	210.797.367	14.000.000	8.800.000	**19.466.447**
35	HL-00943	Đàm Văn Hội	KT2-HR	180.150.305	16.377.300	196.527.605	13.500.000	10.400.000	**18.368.967**
36	HL-01050	Lê Văn Nam	KT2-HR	144.384.270	13.125.843	157.510.113	13.500.000	3.100.000	**14.509.176**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2109 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
37	HL-01070	Nguyễn Đức Hưng	KT2-HR	161.287.806	14.662.528	175.950.334	13.500.000	3.700.000	**16.095.861**
38	HL-01072	Hoàng Văn Hoài	KT2-HR	184.481.082	16.771.007	201.252.089	13.500.000	7.600.000	**18.529.341**
39	HL-01145	Lê Trọng Đạt	KT2-HR	149.197.829	13.563.439	162.761.268	13.500.000	9.100.000	**15.446.772**
40	HL-01233	Nguyễn Văn Doanh	KT2-HR	212.052.997	19.277.545	231.330.542	14.000.000	6.000.000	**20.944.212**
41	HL-01236	Phạm Hữu Đông	KT2-HR	185.722.930	16.883.903	202.606.833	14.000.000	7.100.000	**18.642.236**
42	HL-01239	Nguyễn Văn Toản	KT2-HR	132.581.174	12.052.834	144.634.008	14.000.000	3.300.000	**13.494.501**
43	HL-01246	Trần Văn Thương	KT2-HR	136.777.423	12.434.311	149.211.734	13.500.000	3.800.000	**13.875.978**
44	HL-01257	Hoàng Trung Chiến	KT2-HR	146.912.729	13.355.703	160.268.432	13.500.000	5.300.000	**14.922.369**
45	HL-01269	Lê Minh Thuấn	KT2-HR	144.172.873	13.106.625	157.279.498	14.000.000	13.500.000	**15.398.291**
46	HL-01311	Nguyễn Văn Mạnh	KT2-HR	181.074.919	16.461.356	197.536.275	14.000.000	4.300.000	**17.986.356**
47	HL-01318	Bùi Ngọc Thắng	KT2-HR	133.146.700	12.104.245	145.250.945	14.000.000	2.800.000	**13.504.245**
48	HL-01336	Phạm Mạnh Hà	KT2-HR	190.023.850	17.274.895	207.298.745	14.000.000	20.600.000	**20.158.229**
49	HL-01361	Nguyễn Cao Thắng	KT2-HR	195.598.470	17.781.679	213.380.149	14.000.000	6.400.000	**19.481.679**
50	HL-01362	Nguyễn Xuân Thắng	KT2-HR	164.059.107	14.914.464	178.973.571	10.500.000	2.800.000	**16.022.798**
51	HL-01381	Trần Văn Bình	KT2-HR	144.733.622	13.157.602	157.891.224	13.500.000	5.665.002	**14.754.686**
52	HL-01455	Triệu Duy Dũng	KT2-HR	188.357.150	17.123.377	205.480.527	14.000.000	5.900.000	**18.781.711**
53	HL-01526	Đoàn Thanh Tùng	KT2-HR	144.473.496	13.133.954	157.607.450	13.500.000	4.000.000	**14.592.288**
54	HL-01553	Nguyễn Anh Tuấn	KT2-HR	138.269.486	12.569.953	150.839.439	14.000.000	6.700.000	**14.294.953**
55	HL-01574	Trần Văn Hải	KT2-HR	39.106.152	3.555.105	42.661.257	3.000.000	700.000	**3.863.438**
56	HL-01974	Trương Thị Hằng	KT2-HR	77.779.400	7.070.855	84.850.255	13.000.000	12.000.000	**9.154.188**
57	HL-02071	Lê Mạnh Hiển	KT2-HR	164.941.108	14.994.646	179.935.754	14.000.000	42.565.244	**19.708.416**
58	HL-02530	Phạm Văn Đông	KT2-HR	128.377.088	11.670.644	140.047.732	13.500.000	2.800.000	**13.028.978**
59	HL-02605	Trắng Văn Mạnh	KT2-HR	158.429.133	14.402.648	172.831.781	14.000.000	9.300.000	**16.344.315**
60	HL-02718	Trắng Văn Hùng	KT2-HR	157.764.120	14.342.193	172.106.313	14.000.000	11.500.000	**16.467.193**
61	HL-02872	Nguyễn Tuấn	KT2-HR	205.916.197	18.719.654	224.635.851	14.000.000	30.400.000	**22.419.654**
62	HL-03118	Phạm Văn Dự	KT2-HR	179.196.926	16.290.630	195.487.556	14.000.000	19.100.000	**19.048.963**
63	HL-04077	Phạm Đình Minh	KT2-HR	164.960.020	14.996.365	179.956.385	14.000.000	14.900.000	**17.404.699**
64	HL-04082	Bùi Thế Lữ	KT2-HR	138.077.627	12.552.512	150.630.139	14.000.000	14.700.000	**14.944.178**
65	HL-04345	Nguyễn Xuân Tình	KT2-HR	95.335.393	8.666.854	104.002.247	13.500.000	2.000.000	**9.958.521**
66	HL-05089	Hoàng Đình Dũng	KT2-HR	142.222.393	12.929.308	155.151.701	14.000.000	12.800.000	**15.162.642**
67	HL-05105	Lương Mạnh Cường	KT2-HR	192.936.262	17.539.660	210.475.922	14.000.000	6.800.000	**19.272.994**
68	HL-05338	Nguyễn Hữu Ngà	KT2-HR	140.260.781	12.750.980	153.011.761	13.500.000	4.700.000	**14.267.647**
69	HL-05406	Nguyễn Văn Hùng	KT2-HR	161.213.885	14.655.808	175.869.693	14.000.000	3.900.000	**16.147.474**
70	HL-05450	Phạm Xuân Hạnh	KT2-HR	142.579.110	12.961.737	155.540.847	13.500.000	11.100.000	**15.011.737**
71	HL-05579	Nguyễn Đa Bến	KT2-HR	152.915.405	13.901.400	166.816.805	13.500.000	3.500.000	**15.318.067**
72	HL-05775	Đinh Văn Đại	KT2-HR	116.602.104	10.600.191	127.202.295	13.500.000	4.600.000	**12.108.525**
73	HL-05936	Bùi Đăng Mừng	KT2-HR	164.637.102	14.967.009	179.604.111	13.500.000	3.800.000	**16.408.676**
74	HL-05952	Chử Văn Khoa	KT2-HR	184.611.455	16.782.860	201.394.315	14.000.000	4.500.000	**18.324.526**
75	HL-06006	Trần Xuân Trường	KT2-HR	130.442.552	11.858.414	142.300.966	12.000.000	2.800.000	**13.091.747**

TT	MSLĐ	Họ và tên	Đơn vị	Lương+ thưởng AT 11 tháng	Ước lương thg 12/2109 (BQ 11 tháng)	Tiền lương 2019	Tiền lễ, Tết, khai xuân	Lương khác, thưởng, trực, du lịch…	Bình quân thu nhập 1 tháng
A	B	C	D	E	F=E/11	G=E+F	H	I	J=(G+H+I) /12
76	HL-06145	Phạm Văn Lửng	KT2-HR	84.389.659	7.671.787	92.061.446	13.000.000	2.000.000	**8.921.787**
77	HL-06207	Lưu Văn Giang	KT2-HR	72.280.643	6.570.968	78.851.611	13.000.000	1.500.000	**7.779.301**
78	HL-06716	Nguyễn Cảnh Điển	KT2-HR	124.458.713	11.314.428	135.773.141	13.500.000	1.500.000	**12.564.428**
79	HL-06721	Đặng Đình Nam	KT2-HR	43.166.278	3.924.207	47.090.485	10.000.000	1.800.000	**4.907.540**
80	HL-06725	Lê Văn Hải	KT2-HR	125.632.301	11.421.118	137.053.419	11.000.000	8.300.000	**13.029.452**
81	HL-06858	Trần Văn Tiến	KT2-HR	123.181.193	11.198.290	134.379.483	2.800.000	1.300.000	**11.539.957**
82	HL-06898	Phạm Văn Thông	KT2-HR	100.552.744	9.141.159	109.693.903	2.800.000	-	**9.374.492**
83	HL-07061	Nguyễn Khánh Thiện	KT2-HR	32.943.023	2.994.820	35.937.843	1.300.000	200.000	**3.119.820**
84	HS19-302	Đào Quang Huy	KT2-HR	2.503.770	227.615	2.731.385	500.000	-	**269.282**
85	HS19-303	Linh Tấn Tòng	KT2-HR	25.967.982	2.360.726	28.328.708	800.000	200.000	**2.444.059**
		Cộng		**12.495.033.930**	**1.135.912.175**	**13.630.946.105**	**1.087.700.000**	**743.171.331**	**1.288.484.786**